

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 30-9-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hương

Ông Lê Quang Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/HSST ngày 26 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 16-9-2019 đối với bị cáo:

- **NGUYỄN NGỌC B**, sinh năm 1998, tại Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1978; Chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 28-12-2017 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 06-02-2018 bị Tòa án nhân dân TP. P xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hình phạt tù là 15 tháng tù, đến ngày 11-02-2019 chấp hành xong hình phạt về lại địa phương.

Tiền sự: Ngày 10-02-2017 Công an huyện N xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24-6-2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đinh Thị N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.

- Bị hại:

+ Em Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17-5-2004

+ Đại diện hợp pháp của bị hại T: Bà Đặng Thị Nam H, sinh năm 1967

Cùng cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.

+ Ông Võ Văn T, sinh năm 1991

+ Em Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 26-12-2006

+ Đại diện hợp pháp của bị hại Q: Ông Lê Thành T, sinh năm 1982 - Là cha ruột. Cùng cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Ngọc Th, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954. Vắng mặt.

+ Em Trần Ngọc Diễm P, sinh ngày 22-11-2005. Đại diện hợp pháp của em Phúc: Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1973 - Là mẹ ruột. Vắng mặt.

+ Em Nguyễn Văn M, sinh năm 2005. Đại diện hợp pháp của em M: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971. Vắng mặt.

+ Nguyễn Văn N, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Cùng cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

+ Ông Trần Xuân T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 13-5-2019 đến 08-6-2019, Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1998, trú tại: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn xã P. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 13-5-2019, B đến tại khu vực sân phơi thôn P, xã P chơi thì gặp em Nguyễn Thanh T, sinh năm: 2004, trú tại: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận đang ngồi chơi thì B đến ngồi chơi cùng. Tại đây, B mượn điện thoại di động hiệu Samsung A20, màu xanh của T để gọi điện cho bạn M để xin tiền, B gọi điện nhưng không được nên B nói với T cho B mượn điện thoại để lên gặp chị M lấy tiền, Biên cầm điện thoại của T rồi nhờ em Lê Nguyễn Quỳnh T chở đi lên nhà M, đến cây xăng P, B nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của T, nên B đã xuống xe không tiếp tục lên nhà M đến nhà anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1996 trú tại: thôn P, xã P nhờ N chở đến Cửa hàng điện thoại T ở khu phố 4, phường Đ, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận do anh Trần Xuân

T, sinh năm: 1972 trú tại: Thôn S, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận làm chủ cửa hàng. Tại đây B bán chiếc điện thoại cho anh T với giá 1.900.000 đồng rồi đón xe ra nhà một người tên P ở thành phố C, tỉnh Khánh Hòa chơi.

Ngày 05-6-2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận chiếc điện thoại trên trị giá 4.190.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 08-6-2018 trong lúc em Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 2006, trú tại: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận đang ở nhà bà ngoại là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954 ở cùng thôn, thì B đến mượn chiếc xe đạp điện hiệu Luck Osaka đi công việc, T đồng ý và đưa xe cho B mượn. Sau khi lấy được xe, B nhận được cuộc điện thoại của chủ nợ để đòi số tiền nợ còn lại B chưa trả. Do không có tiền trả nợ B đã đem chiếc xe máy điện trên cầm cố cho Lê Ngọc T, sinh năm: 1995 trú tại khu phố 3, thị trấn P, huyện N với số tiền 1.500.000 đồng và hẹn 3 - 4 ngày sau sẽ đến trả tiền lấy xe về. T không thấy B đem xe về trả nên đã gọi hỏi B thì được B báo là đã cầm cố chiếc xe cho người khác. Em T đã báo cho bố ruột của mình là anh Lê Thành T, sinh năm 1982 trú tại: Khu phố 6, phường P, TP. P biết. Sau đó anh T cùng B đến nhà T để chuộc xe thì T không cho lấy lại và nói quá ngày hẹn không thấy B lấy xe nên T đã bán xe đạp điện trên cho một người tên H không rõ nhân thân lai lịch với giá 3.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 26-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận giá trị chiếc xe máy điện hiệu LUCK OSAKA là 5.360.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 07-6-2019, B đến chơi tại nhà anh Võ Văn T, sinh năm: 1991, trú tại: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thì B thấy anh T đi làm về trong tình trạng đã say. Sau khi anh T vào phòng nằm nghỉ thì B hỏi mượn điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu đen của anh T để chơi và anh T đồng ý. Sau đó B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của anh T, nên B đem điện thoại bán cho Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1995, trú tại: Thôn T, xã P với giá 1.600.000 đồng, số tiền này B dùng 700.000 đồng để trả nợ, số còn lại B đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi tỉnh dậy, không thấy B trả điện thoại nên anh T đã đến Công an xã P để trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KLDGTS-PTCKH ngày 20-6-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận giá trị chiếc điện thoại di động Samsung J7 Prime, màu đen là 3.590.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Ngọc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: B bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thành khẩn khai báo; một phần tài sản được thu hồi trả lại cho bị hại.

- Thu giữ và xử lý vật chứng:

+ Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, màu đen có số IMEI1: 35281009798921001 và số IMEI2:

35281109798921801, xác định đây là tài sản của bị hại là anh Võ Văn T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T.

+ Đối với chiếc điện thoại Samsung A20, màu xanh Nguyễn Ngọc B khai nhận sau khi chiếm đoạt được bán cho anh Trần Xuân T. Quá trình xác minh, làm việc anh T cho biết do hàng ngày cửa hàng có nhiều khách hàng đến mua bán điện thoại, cửa hàng không có camera ghi hình và cũng không có sổ sách ghi chép lại nên anh T không nhớ là có mua chiếc điện thoại trên hay không. Tại thời điểm xác minh, cửa hàng của anh T không có chiếc điện thoại nào hiệu Samsung A20, màu xanh nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được và không xử lý hình sự đối với anh T là có căn cứ.

+ Đối với chiếc xe máy điện hiệu LUCKOSAKA của em Lê Nguyễn Quỳnh T do Nguyễn Ngọc B chiếm đoạt được và đem cầm cố cho Lê Ngọc T, quá hạn T đã bán cho người khác không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra truy tố em T yêu cầu bồi thường số tiền 4.190.000 đồng, em T yêu cầu bồi thường số tiền 5.360.000 đồng, hiện nay B chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Riêng anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét đến.

Đối với Nguyễn Tuấn V có hành vi mua điện thoại và Nguyễn Ngọc T nhận thế chấp xe đạp điện của B nhưng không biết là tài sản do B phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự V và T là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận diễn biến sự việc xảy ra như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bản Cáo trạng số **30/CT-VKS-HS**, ngày **23-8-2019** của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo **Nguyễn Ngọc B** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên việc truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định điểm g (phạm tội 02 lần trở lên), h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 và điểm s (thành khẩn khai báo) khoản 1, khoản 2 (một phần tài sản được thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Điều 51; **xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù;**

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với nội dung của bản cáo trạng cũng như quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo **Nguyễn Ngọc B**: Thành khẩn khai báo; một phần tài sản thu hồi trả lại cho bị hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm cải tạo tốt, tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo không có tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Ngọc B** khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã thực hiện hành vi cụ thể như sau:

Trong thời gian từ ngày 13-5-2019 đến 08-6-2019, Nguyễn Ngọc B đã 03 lần lợi dụng sự quen biết và sự tin tưởng của người thân đã mượn điện thoại và xe đạp điện của em Nguyễn Thanh T, em Lê Nguyễn Quỳnh T, anh Võ Văn T rồi bán và cầm cố lấy tiền dùng vào mục đích cá nhân. Tuy nhiên trong 3 lần Nguyễn Ngọc B chiếm đoạt tài sản của em T, em T, anh T thì 02 lần đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, riêng lần mượn điện thoại của anh T tài sản trị giá 3.590.000 đồng không đủ định lượng, nên B không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần này. Tổng tài sản B chiếm đoạt trị giá **13.140.000 đồng**.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo **Nguyễn Ngọc B** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi trên của **Nguyễn Ngọc B** là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại em Nguyễn Thanh T, em Lê Nguyễn Quỳnh T, anh Võ Văn T, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương.

Bị cáo Nguyễn Ngọc B là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Ngọc B đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo 03 lần thực hiện hành vi mượn điện thoại và xe đạp điện của em Nguyễn Thanh T, em Lê Nguyễn Quỳnh T, anh Võ Văn T sau đó đi bán và cầm cố, vì vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có tiền án: Ngày 28-12-2017 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 06-02-2018 bị

Tòa án nhân dân TP. P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hình phạt tù là 15 tháng tù. Ngày 11-02-2019 chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội, nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tiền sự: Ngày 10-02-2017 Công an huyện N xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Vì vậy cần xử lý nghiêm minh bị cáo trước pháp luật để răn đe , giáo dục và phòng ngừa loại tội phạm này trong xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm theo quy định tại điểm g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo: Thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; một phần tài sản được thu hồi trả lại cho bị hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét hình phạt phù hợp đối với bị cáo **Nguyễn Ngọc B**.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Xét quan điểm của người bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo: **Nguyễn Ngọc B** thành khẩn khai báo; một phần tài sản thu hồi trả lại cho bị hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Võ Văn T sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét;

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị hại Nguyễn Thanh T và người đại diện hợp pháp của em T yêu cầu Nguyễn Ngọc B bồi thường số tiền 4.190.000 đồng; Hiện nay bị cáo Nguyễn Ngọc B chưa bồi thường được khoản tiền nào cho bị hại T. Bị hại Lê Nguyễn Quỳnh T và người đại diện hợp pháp của em T yêu cầu bồi thường số tiền 5.360.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị hại Lê Nguyễn Quỳnh T và người đại diện hợp pháp của em T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc B bồi thường số tiền 5.360.000 đồng

Đối với Nguyễn Tuấn V có hành vi mua điện thoại và Nguyễn Ngọc T nhận thế chấp xe đạp điện của B, nhưng không biết là tài sản do B phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự V và T là có căn cứ.

[7] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát về việc định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Ngọc B**, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, quan điểm về trách nhiệm dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 175; các điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Ngọc B** phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc B **15** (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt **tạm giam** ngày **24-6-2019** và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, các điều 584, 585, 589, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B phải bồi thường cho em Nguyễn Thanh T số tiền 4.190.000đ (Bốn triệu một trăm chín mươi ngàn đồng) như đã thỏa thuận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo **Nguyễn Ngọc B** được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh N;
- CQĐT Công an huyện N;
- CQTHAHS Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Quốc Đạt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương – Lê Quang Chính

Trần Quốc Đạt